

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21 – 9 - 2017

“V/v Tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Thế Hằng.
Bà Nguyễn Thị Mai.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Phụng, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2017, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 215/2017/HNGĐ-ST ngày 20/6/2017 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn A, xã EĐ, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. (*Có mặt*)

Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn B, xã EĐ, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải, và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Anh T và chị Trần Thị L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã EĐ vào ngày 17/11/2016. Hai vợ chồng chung sống được một tháng với nhau thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L đã lập gia đình nhưng vẫn có nhắn tin qua lại với người khác, khi biết được sự việc, anh T đã nhắc nhở chị L nhưng chị L không sửa đổi, mà vẫn tiếp tục tái diễn hành động của mình, vì thế nên ngày 29/12/2016 (âm lịch), anh T đã chở chị L về nhà mẹ ruột để chị L suy nghĩ về cách cư xử của mình. Khoảng nửa tháng sau anh T có sang nhà chị L nói chuyện rõ ràng và đề nghị lại tình cảm, đón chị L về thì chị L và gia đình chị L chửi bới, xúc phạm, đòi gia đình anh T bồi thường nhiều khoản tiền vô lý, từ đó giữa anh T và chị L không gặp nhau, không gọi điện nhắn tin, hỏi thăm quan tâm lẫn nhau, hai vợ chồng không

còn sống chung từ ngày 29/12/2016 (âm lịch) cho đến nay. Từ đó dẫn tới tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Trần Thị L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh T và chị L chưa có con chung.

Về tài sản chung nợ chung: Anh T và chị L không có tài sản chung, nợ chung, tài sản cho người khác vay.

** Tại biên bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 27/7/2017 bị đơn chị Trần Thị L trình bày :*

Về quan hệ hôn nhân, chị L và anh Nguyễn Xuân T kết hôn với nhau vào ngày 17/11/2016, trên cơ sở tự nguyện như lời anh T trình bày. Quá trình chung sống, giữa chị L và anh T không có mâu thuẫn. Vào ngày 28/12/2016 (âm lịch), hôm đó trời mưa trong lúc đang làm việc vừa nghe nhạc tôi có bột phát đăng tải lên trang mạng tâm trạng dòng chữ trong suy nghĩ tình yêu và nỗi nhớ, trong suy nghĩ của tôi dòng chữ đầy chẳng qua chỉ là tâm trạng, nhưng chồng tôi cho rằng tôi còn nhớ nhung ai, nên chiều ngày 29/12/2016 (âm lịch) chồng tôi qua nhà và gửi tôi ở nhà mẹ đẻ ăn tết, tôi có qua nhà gặp mẹ chồng và chồng nói chuyện thì mẹ chồng tôi cho rằng tôi lấy chồng còn nhớ thương quá khứ, còn chồng tôi thì ghen bảo tôi còn nhớ thương ai, bản thân tôi đã xin lỗi mẹ chồng và chồng, nhưng mẹ chồng và chồng tôi một mực đuổi tôi ra khỏi nhà, tôi cảm thấy bị sốc và tổn thương về tinh thần. Trong thời gian tôi về nhà mẹ đẻ, tôi có nhắn tin, điện thoại xin anh nghĩ lại nhưng anh T không đồng ý, nay anh T làm đơn ra tòa yêu cầu giải quyết ly hôn, chị L cảm thấy tinh thần bị tổn thương nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh T.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành triệu tập các đương sự để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ngày 05/9/2017 Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng chị Trần Thị L vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Trần Thị L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Trần Thị L.

Phản tranh luận tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho anh Nguyễn Xuân T được ly hôn với chị Trần Thị L.

Phát biểu quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt và niêm yết giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, thời hạn giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng

theo quy định Điều 179; Điều 195; Điều 196; Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Xuân T. Cho anh T được ly hôn với chị Trần Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Kiểm sát viên HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Xuân T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện EaKar giải quyết việc ly hôn giữa anh T và chị Trần Thị L. Chị Trần Thị L đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã EĐ, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn chị Trần Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 02 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị L là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị L đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 17/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã EĐ, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Anh T và chị L chung sống với nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng nhau, anh T ghen tuông vô cớ, không có căn cứ. Hiện nay anh T chị L không còn chung sống cùng nhau, mặc dù đã nhiều lần hai bên có nguyện vọng hàn gắn để quay về đoàn tụ nhưng do chưa thực sự cảm thông, tôn trọng nhau nên mâu thuẫn giữa anh T và chị L càng gay gắt, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, việc này đã được chính quyền địa phương xác nhận. Thể hiện hôn nhân của anh T và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân T là có căn cứ, phù hợp với Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị L chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống, anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị L không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn anh Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn

đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002838 ngày 19/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EK.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Xuân T.

- 1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho anh Nguyễn Xuân T được ly hôn với chị Trần Thị L.
- 2. Về con chung:** Hai đương sự chưa có con chung nên không đề cập đến để giải quyết.
- 3. Về tài sản chung, nợ chung:** Trong thời gian chung sống, hai đương sự không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
- 4. Về án phí:** Anh Nguyễn Xuân T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002838 ngày 19/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EK.
- 5. Quyền kháng cáo:** Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện EK;
- Chi cục THADS huyện EK;
- UBND xã EĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Luyện